

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DK
TỈNH K**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2017/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 11 năm 2017
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DK - TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đỗ Công Luận
bà Phạm Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thái Bảo Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện DK - K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DK - K tham gia phiên tòa: ông Huỳnh Tấn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện DK - tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 273/2017/TLST-HNGĐ ngày 10/7/2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/9/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Lê Đức T - sinh năm 1968.

Trú tại: tổ 31 thôn TL - DL - DK - K; Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* bà Trần Thị Th - sinh năm 1967.

Nơi cư trú cuối cùng: thôn NT - DB - DK - K; Vắng mặt tại phiên tòa lần II.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/6/2017, biên bản lấy lời khai ngày 24/7/2017, nguyên đơn ông Lê Đức T trình bày: năm 1998, ông và bà Th tự nguyện yêu thương nhau, về sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DB. Quá trình sống chung, vợ chồng vẫn hạnh phúc bình thường, không biết vì lý do gì, năm 2012, bà Th bỏ nhà ra đi biệt tích, ông đã nhiều lần tìm kiếm nhưng không biết bà Th hiện giờ đang ở đâu. Tháng 5/2017, Tòa án đã tuyên bố bà Th mất tích. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà Th. Về con chung: vợ chồng ông có 02 con chung Lê Đức Trung - sinh ngày 11/10/1998, Lê Đức Trí - sinh ngày 09/8/2004. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trí, không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con, cháu Trung đã trưởng T, ông không có yêu cầu gì. Tài sản chung và nợ chung: không có.

Tòa án đã tiến hành làm thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng đối với bà Th nhưng bà Th vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với bà Th; Về con chung: ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: không có.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: bà Th đã được Tòa án tuyên án mất tích vào ngày 05/5/2017. Tòa án đã làm thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng đối với bà Th, bà Th vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử xử vắng mặt đối với bà Th.

Quan hệ hôn nhân: ông T, bà Th tự nguyện yêu thương nhau, về sống chung và được Ủy ban nhân dân xã DB - DK - K cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 24/01/1998 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà Th đã bỏ nhà đi từ năm 2012 cho đến nay, không quan tâm đến gia đình, chồng con. Mặc dù ông T đã áp dụng mọi biện pháp để tìm bà nhưng đều không biết hiện nay bà Th đang ở đâu. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

Con chung: ông T và bà Th có 02 con chung là Lê Đức Trung - sinh ngày 11/10/1998 và Lê Đức Trí - sinh ngày 09/8/2004. Sau khi ly hôn, ông T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trí, không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Trung đã trưởng T, ông không có yêu cầu gì. Cháu Trí hiện nay đang ở với ông T và cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở với cha nên cần chấp nhận yêu cầu của ông T

Tài sản chung và nợ chung: không có.

Về án phí: ông T nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức T được ly hôn với bà Trần Thị Th.

Con chung: Giao con chung Lê Đức Trí - sinh ngày 09/8/2004 cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng T (*đủ 18 tuổi*).

Bà Th có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, ông T, bà Th đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: không có

2. Về án phí: ông Lê Đức T nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai Th tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0018227 ngày 10/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện DK - K; ông T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện DK;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện DK;
- Các đương sự;
- UBND xã DB (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Mai Phương